TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An , tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1992; thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh H; tạm trú: 1/10 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Đức T, sinh năm 1990; thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh H; tạm trú: 1/10 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1956; thường trú: Ấp M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 12/4/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị T đã trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Đức T chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01

ngày 14/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên từ giữa năm 2016 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, luôn luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần tạo cho nhau cơ hội để mỗi người cùng thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Đến nay, mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh T có 02 con chung tên Vũ Bùi Hải A, sinh ngày 04/5/2012 và Vũ Bùi Hải B, sinh ngày 11/12/2017. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung là cháu Vũ Bùi Hải B, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Bùi Hải A và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Vũ Đức T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Vũ Đức T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/5/2019; tham gia phiên tòa vào các ngày 31/5/2019 và 26/6/2019 nhưng anh Vũ Đức T vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh T cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Tại bản tự khai ngày 02/5/2019 của người làm chứng bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Q là mẹ ruột của chị T. Trước đây bà Q có sống chung với vợ chồng chị T tại địa chỉ số 1/10 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B với mục đích chăm sóc chị T lúc mang thai và sinh đẻ. Vì vậy, bà Q biết rõ mâu thuẫn của hai vợ chồng chị T. Bà Q trình bày anh T là người ít nói, trầm tính nhưng không lo làm ăn, suốt ngày đi chơi với bạn bè, không phụ giúp việc cho gia đình. Trong quá trình chung sống, chị T và chồng thường xuyên cãi nhau, lời qua tiếng lại. Nguyên nhân là do tính tình không hợp. Bà Q có khuyên chị T nên bỏ qua mâu thuẫn để cùng nhau chăm sóc con cái, cuộc sống ổn định hơn. Tuy nhiên, anh T không thay đổi, không lo cho vợ con, cứ ham chơi bên ngoài dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng hơn.

- Ngày 24/4/2019 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Bùi Thị T với Vũ Đức T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình và được cung cấp như sau: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1992 với chồng chị là anh Vũ Đức T, sinh năm 1990 có chung sống tại địa phương. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị T không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thì vấn đề mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung thì Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình không rõ vì không có thông tin cung

cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Bùi Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Vũ Đức T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa ngày 26/6/2019 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Vũ Đức T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Đức T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01 ngày 14/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh H nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị T trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên từ giữa năm 2016 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, luôn luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần tạo cho nhau cơ hội để mỗi người cùng thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Đến nay, mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh T đến tham gia phiên hòa giải đề hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không có mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh T có 02 con chung tên Vũ Bùi Hải A, sinh ngày 04/5/2012 và Vũ Bùi Hải B, sinh ngày 11/12/2017. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung là cháu Vũ Bùi Hải B và giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Bùi Hải A và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, hiện nay cháu Vũ Bùi Hải B đang sống với chị T, còn cháu Vũ Bùi Hải A đang ở với anh T, cháu Hải A cũng có nguyện vọng được ở với ba. Anh Vũ Đức T không có ý kiến gì về vấn đề con chung. Để đảm bảo tạo điều kiện phát triển tốt nhất về nơi ở, điều kiện học hành thì việc giao cháu Hải B cho chị Tâm B trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hải A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi dưỡng con chung.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Vũ Đức T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung và vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn để xem xét. Sau khi ly hôn bản thân chị Bùi Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Bùi Hải A, anh Vũ Đức T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Bùi Hải B. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Vũ Đức T (Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01 ngày 14/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh H).

2. Về con chung: Chị Bùi Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung là cháu Vũ Bùi Hải B, sinh ngày 11/12/2017; anh Vũ Đức T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Bùi Hải A, sinh ngày 04/5/2012. Chị Bùi Thị T và anh Vũ Đức T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Bùi Thị T và anh Vũ Đức T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0028210 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã T,
huyện T, tỉnh H (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Thanh